

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/02/2024

V/v : “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đoàn và ông Phạm Việt Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến, Kiểm sát viên.

Ngày 26/02/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 304/2023/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2023 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXX-ST ngày 09/01/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 05/02/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Q, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Thôn Ch, xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phí Văn Th, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn Ch, xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn Chị Hoàng Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Phí Văn Th kết hôn từ tháng 10 năm 2001 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Th chơi bời cờ bạc, rượu chè bê tha, không có trách nhiệm, không chăm lo gia đình, vợ con. Anh Th thường xuyên chửi bới, xúc phạm danh dự nhân phẩm chị. Cuộc sống chung vợ chồng không ngày nào được bình yên, không biết đến niềm vui, hạnh phúc dù nhỏ nhất. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Phí Văn C, sinh năm 2002, đã trưởng thành, tự lập và Phí Ngọc L, sinh ngày 24/4/2008, cháu L hiện

đang ở cùng anh Th. Sau ly hôn, do chị không có chỗ ở nên chị tự nguyện để anh Th được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu L. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu L cùng anh Th 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng kể từ tháng 01/2024 đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc cháu L muốn ở cùng chị thì chị cũng nhất trí và tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung, hiện chị làm công nhân, lương bình quân 7 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản lấy lời khai, anh Th trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị Q trình bày.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn, anh có uống rượu và đánh bạc. Anh xác định vì con cái nên anh không đồng ý ly hôn, nhưng nếu chị Q cương quyết xin ly hôn thì tùy chị Q và anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nhưng anh sẽ không đến Tòa án làm việc theo giấy báo của Tòa án.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Phí Văn C, sinh năm 2002, đã trưởng thành, tự lập và Phí Ngọc L, sinh ngày 24/4/2008, cháu L hiện đang ở cùng anh, nếu vợ chồng ly hôn, anh xin được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu L và để chị Q tự cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Q có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Th; chị tự nguyện để anh Th được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Phí Ngọc L, sinh ngày 24/4/2008 và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu L cùng anh Th 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 01/2024 đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Th vắng mặt và không có ý kiến gì.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa tóm tắt nội dung vụ án và công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Q, xử cho chị Q được ly hôn anh Th. Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cho anh Th được tiếp tục trực tiếp

nuôi dưỡng chăm sóc cháu Phí Ngọc L, sinh ngày 24/4/2008, chấp nhận sự tự nguyện của chị Q cấp dưỡng nuôi cháu L cùng anh Th 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 01/2024 đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q và anh Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Q phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí tiền cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

[1] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên toà:* Chị Hoàng Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt; Anh Phí Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hoàng Thị Q và Anh Phí Văn Th kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Q với anh Th, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị Q và anh Th là do anh Th chơi bời cờ bạc, rượu chè bê tha, không có trách nhiệm, không chăm lo gia đình, vợ con, thường xuyên chửi bới, xúc phạm danh dự nhân phẩm chị Q. Cuộc sống chung vợ chồng anh chị không có hạnh phúc. Qua thông tin chính quyền địa phương cung cấp: Vợ chồng Quê - Thời có nhiều mâu thuẫn, chị Q và anh Th đã không còn chung sống với nhau. Qua cháu Phí Ngọc L là con anh Th chị Q khai: Bố mẹ cháu có nhiều mâu thuẫn, gia đình luôn lục đục, bất hòa, bố hay chửi mắng mẹ. Anh Th cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, anh có uống rượu và đánh bạc. Anh xác định vì con cái nên anh không đồng ý ly hôn, nếu chị Q cương quyết xin ly hôn thì tùy chị Q và anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nhưng anh sẽ không đến Tòa án làm việc theo giấy báo của Tòa án. Suốt quá trình giải quyết vụ án, anh không có tác động nào nhằm động viên chị Q về đoàn tụ, anh cũng xác định không đến Tòa án để giải quyết việc chị Q xin ly hôn anh, không động viên chị Q về đoàn tụ, chứng tỏ anh không còn thương yêu, lưu luyến đối với chị Q.

Nay chị Q xét thấy không còn tình cảm với anh Th, vợ chồng không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, chị cương quyết xin ly hôn anh Th. Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị Q và anh Th đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Q, xử cho chị Q được ly hôn anh Th là phù hợp với quy định tại Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Q và anh Th có hai con chung là Phí Văn C, sinh năm 2002, đã trưởng thành, tự lập và Phí Ngọc L, sinh ngày 24/4/2008, cháu L hiện đang ở cùng anh Th. Sau ly hôn, do chị Q không có chỗ ở nên chị tự nguyện để anh Th được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu L; anh Th cũng xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L; cháu L có ý kiến muốn được ở cùng anh Th.

Vì vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, để đảm bảo sự ổn định cho việc chăm sóc nuôi dưỡng và ổn định tâm lý con trẻ, cần thiết giao cho anh Th được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu L là phù hợp ý nguyện của cháu L, phù hợp với yêu cầu và điều kiện thực tế của anh Th và chị Q. Chị Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th 2.000.000đồng/tháng kể từ tháng 01/2024 đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi, là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Q và anh Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau này các đương sự nếu có yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chị Q có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn anh Th và có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh Th nên chị phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Hoàng Thị Q được ly hôn Anh Phí Văn Th.

3/ Về con chung: Giao cho anh Th được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phí Ngọc L, sinh ngày 24/4/2008 đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Q về việc cấp dưỡng nuôi cháu L cùng anh Th 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng kể từ tháng 01/2024 đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4/ Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí tiền cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2022/ 0001760 ngày 25/10/2023. Chị Q còn phải nộp 300.000 đồng án phí tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

5/ Về quyền kháng cáo: Chị Q và anh Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã K, huyện Kim Thành;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trung